

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 353/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP ĐỂ TỔ CHỨC, HƯỚNG DẪN THI HÀNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự án, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số (sau đây viết tắt là dự thảo Nghị định).

Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự thảo Nghị định

1.1. Các chủ trương, đường lối của Đảng

Việc triển khai Nghị định số 353/2025/NĐ-CP diễn ra trong bối cảnh Đảng và Chính phủ ban hành nhiều chủ trương quan trọng về cải cách thể chế, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, cụ thể

a) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định yêu cầu hoàn thiện thể chế phát triển, tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, phát huy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của địa phương. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát và tăng

cường thẩm quyền, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện.

b) Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV xác định yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát; nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Việc bổ sung khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát theo hướng xác định trước phạm vi, điều kiện và cơ chế giám sát, sau đó tăng cường kiểm tra trong quá trình hoạt động phù hợp với định hướng này.

c) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị xác định yêu cầu xây dựng cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và sớm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới; đồng thời nghiên cứu xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ. Đây là cơ sở chính trị trực tiếp cho việc bổ sung mô hình khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát trong dự thảo Nghị định.

d) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị và Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng nguồn lực; bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách, đồng thời cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện, thủ tục hành chính bất hợp lý. Dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng này, nhất là việc đơn giản hóa thủ tục đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực.

đ) Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định yêu cầu xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, chi phí thấp; tiếp tục cắt giảm điều kiện kinh doanh, thời gian và chi phí tuân thủ; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm và hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình kinh tế mới dựa trên công nghệ và nền tảng số. Việc bổ sung cơ chế khu vực thử nghiệm và rút gọn quy trình cấp phép đối với doanh nghiệp trong khu vực góp phần cụ thể hóa các yêu cầu này.

e) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng để phát triển đất nước; đồng thời yêu cầu khẩn trương hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật nhằm tháo gỡ điểm nghẽn, rào cản, giải phóng nguồn lực và khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Hoàn thiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát là một trong những giải pháp cụ thể để thực hiện định hướng này trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

g) Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài định hướng nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài chất lượng cao, thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Việc hoàn thiện môi trường pháp lý cho nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm và ứng dụng công nghệ mới góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

h) Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày 29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ là căn cứ trực tiếp để thực hiện phân cấp, phân quyền cho địa phương và cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực thử nghiệm có kiểm soát.

Từ các cơ sở nêu trên, Nghị định số 353/2025/NĐ-CP cần được đề xuất sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ về dữ liệu và thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, qua đó góp phần thể chế hóa kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Nghị định số 353/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đã bước đầu tạo cơ sở pháp lý để triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số. Trong quá trình tổ chức thực hiện, một số địa phương đã chủ động nghiên cứu, xây dựng và triển khai các mô hình thử nghiệm cụ thể, qua đó bước đầu kiểm chứng tính khả thi của cơ chế sandbox trong thực tiễn.

Bên cạnh cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, việc triển khai các chính sách về nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao cũng đặt ra yêu cầu cần thống nhất cách xác định đối tượng trong thực tiễn. Nghị định số 353/2025/NĐ-CP đã quy định các nhóm và tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; tuy nhiên, cách diễn đạt tại Điều 5 và cụm từ “tham gia trực tiếp” tại khoản 2 Điều 6 có thể dẫn đến cách hiểu khác nhau khi xác định phạm vi nhân lực thuộc nhóm này. Trong khi đó, Luật Công nghiệp công nghệ số đã xác định rõ khái niệm “nhân lực công nghiệp công nghệ số” và nội hàm bao gồm người tham gia sản xuất sản phẩm công nghệ số, cung cấp dịch vụ công nghệ số hoặc quản lý hoạt động công nghiệp công nghệ số. Vì vậy, việc rà soát, thống nhất thuật ngữ và cách xác định đối tượng tại Điều 5 và Điều 6 là cần thiết, góp phần bảo đảm áp dụng thống nhất chính sách thu hút, trọng dụng nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.

Về cơ chế thử nghiệm: thời gian qua, tỉnh Điện Biên đã phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan xây dựng và triển khai thử nghiệm có kiểm soát phát triển kinh tế tầm thấp ứng dụng phương

tiện bay không người lái (UAV). Ngày 23/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định số 1291/QĐ-UBND về cấp phép thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số phát triển kinh tế tầm thấp sử dụng UAV trên địa bàn tỉnh. Theo kế hoạch, chương trình dự kiến thực hiện khoảng 6.000 chuyến bay, tập trung vào các ứng dụng như vận chuyển nông sản, vật tư nông nghiệp, thuốc men, mẫu xét nghiệm và hàng hóa thiết yếu.

Thực tiễn tại Điện Biên cho thấy cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo từng hồ sơ, từng sản phẩm, dịch vụ đã bước đầu đáp ứng được nhu cầu thử nghiệm cụ thể của địa phương. Tuy nhiên, quá trình triển khai cũng cho thấy đối với các bài toán có phạm vi không gian rộng, cần tổ chức nhiều hoạt động thử nghiệm, có nhiều doanh nghiệp tham gia hoặc liên quan đến nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, logistics, y tế, cứu hộ, cứu nạn thì việc xác định riêng phạm vi, điều kiện, yêu cầu kỹ thuật, biện pháp an toàn và cơ chế quản lý cho từng hoạt động có thể làm tăng thời gian và chi phí tổ chức thử nghiệm.

Nhu cầu xây dựng không gian, khu vực hoặc hành lang thử nghiệm cũng đang xuất hiện tại một số địa phương khác. Tại tỉnh Tây Ninh, ngày 19/6/2026, trong quá trình làm việc về phát triển các công nghệ chiến lược, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đề nghị tỉnh cụ thể hóa các bài toán, vùng bay, phạm vi thử nghiệm và cơ chế sandbox đối với UAV, kinh tế tầm thấp; đồng thời yêu cầu phương án có độ mở, có khả năng điều chỉnh trong quá trình triển khai.

Ngày 21/8/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định số 15393/QĐ-UBND phê duyệt Chiến lược phát triển hệ sinh thái phương tiện không người lái giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Trong đó, giai đoạn 2026–2027 tỉnh dự kiến hình thành một hành lang thử nghiệm, thiết lập ít nhất 03 khu vực, đường bay có kiểm soát và đưa vào vận hành tối thiểu một Trung tâm Thử nghiệm, Đào tạo, Sát hạch phương tiện không người lái; đồng thời định hướng triển khai các ứng dụng UAV trong nông nghiệp, logistics, tài nguyên và môi trường, giám sát hạ tầng, cứu hộ, cứu nạn, quản lý biên giới và các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác. Thực tiễn của Tây Ninh cho thấy nhu cầu của địa phương đang chuyển từ thử nghiệm một sản phẩm, dịch vụ cụ thể sang chủ động kiến tạo một không gian thử nghiệm có hạ tầng, phạm vi, điều kiện kỹ thuật và cơ chế quản lý chung, trong đó có thể tiếp nhận nhiều hoạt động thử nghiệm khác nhau theo nhu cầu phát triển của địa phương. Đây là nhu cầu thực tế mà cơ chế hiện hành của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP chưa có quy định riêng để địa phương chủ động xác lập và vận hành một khu vực thử nghiệm theo cách tiếp cận này.

Bên cạnh đó, thực tiễn triển khai UAV tại các địa phương cũng cho thấy các công nghệ mới thường có tính liên ngành, liên lĩnh vực và chịu sự điều chỉnh đồng thời của nhiều quy định pháp luật khác nhau. Ví dụ, hoạt động UAV có thể đồng thời liên quan đến hàng không, quốc phòng, an ninh, tần số vô tuyến điện,

logistics, nông nghiệp, y tế và bảo vệ môi trường. Việc hình thành một khu vực thử nghiệm cho phép địa phương xác định trước phạm vi, điều kiện kỹ thuật, yêu cầu an toàn, cơ chế giám sát và phương án xử lý rủi ro, từ đó tạo môi trường ổn định để nhiều hoạt động thử nghiệm được triển khai, đồng thời giảm việc phải xử lý lặp lại những nội dung chung đối với từng hồ sơ.

Qua tổng kết thực tiễn triển khai Nghị định số 353/2025/NĐ-CP và nhu cầu phát sinh tại các địa phương cho thấy, cơ chế thử nghiệm theo từng sản phẩm, dịch vụ vẫn cần được duy trì, nhưng cần bổ sung một phương thức tổ chức thử nghiệm theo khu vực để đáp ứng những trường hợp cần thử nghiệm trong một không gian thực tế ổn định, có nhiều hoạt động, nhiều doanh nghiệp hoặc có tính liên ngành, liên lĩnh vực. Ngoài ra, cần tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, gắn thẩm quyền quyết định với trách nhiệm quản lý trực tiếp địa bàn; đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp; đồng thời bảo đảm cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát rủi ro. Đây là cơ sở thực tiễn trực tiếp để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 353/2025/NĐ-CP theo hướng một hệ thống thử nghiệm có kiểm soát với hai phương thức: thử nghiệm đối với từng sản phẩm, dịch vụ và thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

2.1. Mục đích đánh giá

- Thực hiện rà soát các thủ tục hành chính hiện hành, dự kiến được ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế trong dự thảo Nghị định. Nghiên cứu, xem xét về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của thủ tục hành chính cũng như tính các chi phí mà tổ chức, doanh nghiệp phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hành chính để cân nhắc, lựa chọn phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế thủ tục hành chính.

- Đảm bảo việc xây dựng thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định được ban hành đúng thẩm quyền, không có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác, được quy định rõ ràng, cụ thể, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện, cơ chế liên thông, kiểm tra đánh giá, xác minh thực tế, cách thức thực hiện, thành phần, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, đối tượng thực hiện, cơ quan giải quyết, phí, lệ phí và các chi phí khác, kết quả thực hiện.

- Đánh giá tính hiệu quả, linh hoạt trong phân cấp, phân quyền, ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đảm bảo quyền lợi hợp pháp và cơ hội bình đẳng trong giới; phát huy vai trò trong thực hiện chính sách dân tộc.

2.2. Yêu cầu đánh giá

Việc đánh giá thủ tục hành chính trong Dự thảo Nghị định phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, tính liên thông, kịp thời, chính xác, không gây phiền hà trong quá trình triển khai thực hiện; đề cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, doanh nghiệp; tiết kiệm thời gian và chi phí của cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính. Bảo đảm tăng cường phân cấp phân quyền, thúc đẩy chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; tôn trọng và bảo đảm bình đẳng giới và tuân thủ, thực hiện chính sách dân tộc.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá thủ tục hành chính (nếu trong dự thảo văn bản có quy định thủ tục hành chính)

Thực hiện các nhiệm vụ được giao về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn và thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Khoa học và Công nghệ đã rà soát các quy định về thủ tục hành chính theo hướng tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp; đơn giản hóa thành phần hồ sơ, trình tự, thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết và phân định rõ thẩm quyền giải quyết. Dự thảo không làm phát sinh thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, doanh nghiệp; 04 thủ tục hành chính thực hiện ở cấp Trung ương được bãi bỏ, 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh được duy trì và sửa đổi, bổ sung. Trường hợp thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát được thiết kế là một trường hợp thực hiện của thủ tục đề nghị cấp phép thử nghiệm hiện hành, không hình thành thủ tục hành chính mới. Cụ thể như sau:

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Cấp thực hiện	Quy định tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP	Nội dung quy định
1	1.014916	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Bộ, cơ quan ngang bộ	Khoản 2 Điều 16 Điều 24, Điều 25	Bãi bỏ
2	1.014917	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ	Bộ, cơ quan ngang bộ	Khoản 2 Điều 16 Điều 26, Điều 27	Bãi bỏ

		số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)			
3	1.014918	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Bộ, cơ quan ngang bộ	Khoản 2 Điều 16 Điều 28, Điều 29	Bãi bỏ
4	1.014919	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)	Bộ, cơ quan ngang bộ	Khoản 2 Điều 16 Điều 30, Điều 31	Bãi bỏ
5	1.014920	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Cấp tỉnh	Khoản 1 Điều 16 Điều 24, Điều 25	Sửa đổi, bổ sung nội dung cấu thành TTHC
6	1.014921	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Cấp tỉnh	Khoản 1 Điều 16 Điều 26, Điều 27	Sửa đổi, bổ sung nội dung cấu thành TTHC
7	1.014922	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ	Cấp tỉnh	Khoản 1 Điều 16 Điều 28, Điều 29	Sửa đổi, bổ sung nội dung cấu thành

		ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)			TTHC
8	1.014923	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)	Cấp tỉnh	Khoản 1 Điều 16 Điều 30, Điều 31	Sửa đổi, bổ sung nội dung cấu thành TTHC

1.1. Các nội dung sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính và sự cần thiết của thủ tục hành chính

a) Thủ tục hành chính Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

- Sửa đổi tên TTHC như sau: “*Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số*”.

- Sửa đổi Mẫu số TNCNS01 và Mẫu số TNCNS02 để sử dụng chung cho hai trường hợp: thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát và thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát.

+ Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép theo quy trình chung của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.

+ Đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép. Hồ sơ khi nộp chỉ gồm Đơn đề nghị cấp phép thử nghiệm theo Mẫu số TNCNS01; trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu để làm rõ nội dung riêng chưa được xác định tại Quyết định xác định khu vực thử nghiệm và Phương án tổ chức khu vực thử nghiệm, không yêu cầu cung cấp lại các nội dung chung đã được xác định.

+ Đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, thời hạn giải quyết là 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; các nội dung chung đã được xác định tại cấp khu vực không phải đánh giá, thẩm định lại.

- Điều chỉnh thời hạn liên quan từ “15 ngày” thành “11 ngày làm việc” tại

Điều 25.

b) Thủ tục hành chính Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

- Sửa đổi tên TTHC như sau: *“Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”*.

- Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, thẩm quyền giải quyết thuộc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo Điều 16 dự thảo Nghị định; đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực, thẩm quyền được xác định theo cơ quan đã cấp phép.

- Điều chỉnh thời hạn liên quan từ *“15 ngày”* thành *“11 ngày làm việc”*.

c) Thủ tục hành chính Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

- Sửa đổi tên TTHC như sau: *“Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”*.

- Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, thẩm quyền giải quyết thuộc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo Điều 16 dự thảo Nghị định; đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực, thẩm quyền được xác định theo cơ quan đã cấp phép.

- Điều chỉnh thời hạn liên quan từ *“15 ngày”* thành *“11 ngày làm việc”*.

d) Thủ tục hành chính Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

- Sửa đổi tên TTHC như sau: *“Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số”*.

- Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, thẩm quyền giải quyết thuộc Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo Điều 16 dự thảo Nghị định; đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực, thẩm quyền được xác định theo cơ quan đã cấp phép.

- Điều chỉnh thời hạn liên quan từ *“15 ngày”* thành *“11 ngày làm việc”*.

1.2. Tính hợp lý, hợp pháp của các thủ tục hành chính

Các thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định kế thừa hệ thống thủ tục hành chính hiện hành, không tạo thêm thủ tục hành chính mới đối với tổ chức, doanh nghiệp. Việc bãi bỏ 04 thủ tục thực hiện ở cấp Trung ương và duy trì 04 thủ tục ở cấp tỉnh phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền; đồng thời việc bổ sung trường hợp thử nghiệm trong khu vực được tích hợp trong thủ tục đề nghị cấp phép thử nghiệm hiện hành. Thẩm quyền giải quyết

được phân định giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ theo tính chất của hoạt động thử nghiệm, bảo đảm rõ đầu mối và gắn thẩm quyền với trách nhiệm quản lý.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung bảo đảm đa dạng hóa phương thức nộp hồ sơ, đơn giản hóa thành phần hồ sơ, giảm khối lượng thông tin, tài liệu phải nộp và rút ngắn thời gian giải quyết. Đặc biệt, đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, tổ chức, doanh nghiệp chỉ nộp Mẫu số TNCNS01 khi nộp hồ sơ; các nội dung chung đã được xác định tại Quyết định xác định khu vực và Phương án tổ chức khu vực không phải đánh giá, thẩm định lại. Quy định này góp phần giảm chi phí tuân thủ, đồng thời vẫn bảo đảm cơ quan quản lý có đủ thông tin để kiểm soát rủi ro và quyết định cấp phép.

2. Việc phân quyền, phân cấp (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về phân quyền, phân cấp)

Bộ Khoa học và Công nghệ đã rà soát các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025 để quy định việc phân quyền, phân cấp trong Dự thảo Nghị định phù hợp với tình hình thực tiễn, phát huy năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tính trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát quyền lực gắn với trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, giám sát; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, cắt giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp, tổ chức; lấy sự hài lòng của người dân, của doanh nghiệp làm trọng tâm để phục vụ và giải quyết thủ tục hành chính.

Dự thảo Nghị định được rà soát trên cơ sở các quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các nội dung phân quyền, phân cấp được thể hiện chủ yếu tại Điều 16 và Điều 16a Nghị định số 353/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, người có thẩm quyền.

2.1. Sự cần thiết

Việc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước nói chung và trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số nói riêng là yêu cầu khách quan và cấp thiết nhằm đáp ứng các mục tiêu sau:

- Phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước: Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP ngày

29/4/2026 của Chính phủ về phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ; Kế hoạch 447/KH-CP ngày 17/5/2025 xây dựng các nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền gắn với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Đây là nền tảng để xây dựng một nền hành chính phục vụ, linh hoạt, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, đồng thời giảm tải cho bộ máy trung ương.

- Tăng tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền địa phương: việc phân quyền, phân cấp góp phần phát huy vai trò, trách nhiệm của địa phương trong quyết định, tổ chức và giám sát hoạt động thử nghiệm có kiểm soát; bảo đảm việc xử lý hồ sơ và các vấn đề phát sinh được thực hiện kịp thời, sát điều kiện quản lý trên địa bàn.

- Tạo thuận lợi cho tổ chức, doanh nghiệp: việc phân định rõ thẩm quyền giúp tổ chức, doanh nghiệp xác định đúng đầu mối tiếp nhận, thẩm định và quyết định; giảm thời gian luân chuyển, phối hợp giữa nhiều cấp, đồng thời tạo điều kiện để giải trình, bổ sung thông tin và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh ngay tại địa phương.

- Góp phần hoàn thiện thể chế quản lý ngành, lĩnh vực: phân cấp, phân quyền rõ ràng giúp phân định trách nhiệm, tăng tính minh bạch và kiểm soát lẫn nhau giữa các cấp chính quyền. Đây là tiền đề quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong điều kiện chuyển đổi số và cải cách hành chính toàn diện

2.2. Thẩm quyền, nội dung phân quyền, phân cấp

Thẩm quyền phân cấp trong Dự thảo Nghị định được xác định rõ ràng, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Chính phủ (Điều 8), Luật Công nghiệp công nghệ số và các nguyên tắc phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Cụ thể:

Dự thảo Nghị định sửa đổi Điều 16 theo hướng phân định rõ thẩm quyền giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp phép đối với hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát; đồng thời quyết định xác định, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động của khu vực và phê duyệt, điều chỉnh Phương án tổ chức khu vực. Đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tiếp nhận, thẩm định hồ sơ; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép, gia hạn, điều chỉnh, kết thúc thử nghiệm và đánh giá kết quả thử nghiệm.

Dự thảo đồng thời thay đổi phương thức phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ: các cơ quan Trung ương thực hiện quản lý nhà nước, hướng dẫn chuyên môn, giám sát và xử lý vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; việc phối hợp này không được thiết kế thành một bước xin ý kiến hoặc điều kiện để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định khu vực. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền, nhưng không làm mất trách nhiệm quản lý chuyên ngành của cơ quan Trung ương.

Đối với thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, dự thảo kế thừa cơ bản hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp phép của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động thử nghiệm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, đồng thời thực hiện các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thời hạn giải quyết theo Nghị quyết số 20/2026/NQ-CP.

Đối với thử nghiệm trong khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xác định khu vực và phê duyệt Phương án tổ chức khu vực; Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định cấp phép từng hoạt động thử nghiệm. Hồ sơ được xử lý theo nhánh rút gọn: khi nộp hồ sơ chỉ yêu cầu Mẫu số TNCNS01, các nội dung chung đã được xác định ở cấp khu vực không phải đánh giá, thẩm định lại; thời hạn giải quyết là 25 ngày làm việc.

Về hoạt động thử nghiệm có phạm vi liên tỉnh: Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện hành quy định cơ chế xử lý đối với trường hợp không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm thuộc địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên theo hướng cơ quan ở Trung ương tham gia xem xét, quyết định cấp phép. Dự thảo không tiếp tục duy trì cơ chế cấp một Quyết định thử nghiệm chung ở cấp Trung ương; từng địa phương quyết định đối với phần hoạt động thuộc địa bàn quản lý.

Trường hợp cùng một sản phẩm, dịch vụ hoặc hoạt động thử nghiệm có nhu cầu triển khai tại địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân từng tỉnh xem xét, quyết định đối với phần hoạt động thử nghiệm không thực hiện trong khu vực thuộc địa bàn quản lý; đối với hoạt động thử nghiệm trong khu vực, thẩm quyền được thực hiện theo cơ chế của khu vực tại từng địa phương. Các địa phương phối hợp trong tổ chức, quản lý, giám sát và xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm gắn quyền quyết định với trách nhiệm quản lý trực tiếp địa bàn.

Về việc không tiếp tục quy định riêng thẩm quyền cấp phép thử nghiệm đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu tại Điều 16: Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện

hành quy định riêng thẩm quyền cấp phép thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu theo pháp luật về dữ liệu. Sau khi rà soát hệ thống pháp luật hiện hành, dự thảo Nghị định không tiếp tục quy định nội dung này tại Điều 16 nhằm bảo đảm nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành, tránh chồng chéo về thẩm quyền và trình tự, thủ tục.

Đồng thời, đối với các sản phẩm, dịch vụ thuộc lĩnh vực đã có pháp luật chuyên ngành quy định riêng về thử nghiệm có kiểm soát, việc thử nghiệm được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; Nghị định số 353/2025/NĐ-CP tập trung điều chỉnh cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định mà chưa có cơ chế thử nghiệm chuyên ngành tương ứng. Cách tiếp cận này bảo đảm tính thống nhất, tránh chồng chéo giữa các cơ chế sandbox và phù hợp với nguyên tắc ưu tiên áp dụng pháp luật chuyên ngành. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác về thẩm quyền, điều kiện, trình tự, thủ tục hoặc cơ chế thử nghiệm có kiểm soát thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Việc xác định thẩm quyền phân cấp như trên vừa bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong tổ chức thực hiện ở cấp địa phương, vừa giữ vững vai trò điều phối, giám sát của cơ quan trung ương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số.

2.3. Điều kiện bảo đảm để thực hiện nội dung được phân quyền, phân cấp

a) Về nguồn nhân lực

Một số công việc như ban hành văn bản hướng dẫn Nghị định; tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu trên nền tảng số cần thực hiện để triển khai Nghị định. Nguồn nhân lực tại chỗ của Bộ Khoa học và Công nghệ; Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố; các cơ quan, tổ chức có liên quan cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai nên không phát sinh thêm nhân lực.

b) Về cơ sở vật chất – kỹ thuật

- Cơ quan có thẩm quyền ở cấp tỉnh, trong đó có Sở Khoa học và Công nghệ, sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống giải quyết thủ tục hành chính hiện có để tiếp nhận, xử lý, lưu trữ hồ sơ trên môi trường điện tử; đồng thời khai thác, chia sẻ thông tin từ các cơ sở dữ liệu theo quy định.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, nâng cấp và duy trì hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số và cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số, bảo đảm chia sẻ thông tin giữa các cấp quản lý.

c) Về tài chính

Việc triển khai Nghị định không làm phát sinh yêu cầu thành lập cơ quan chuyên trách hoặc tăng biên chế. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật; việc tổ chức, vận hành khu vực thử nghiệm do địa phương chủ động bố trí nguồn lực phù hợp với quy mô, lĩnh vực và mức độ rủi ro của khu vực.

d) Về truyền thông và tổ chức thực hiện

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi nội dung của Nghị định đến các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, các cơ quan quản lý tại địa phương và các đối tượng có liên quan qua các kênh: văn bản hướng dẫn, hội nghị tập huấn, phương tiện truyền thông, cổng thông tin điện tử của bộ, ngành, địa phương.

- Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương thực hiện hướng dẫn áp dụng, giám sát thi hành, định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả và đề xuất phương án điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết để bảo đảm thực thi hiệu quả, thống nhất.

2.4. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát sau khi phân quyền, phân cấp.

Dự thảo quy định trách nhiệm kiểm tra, giám sát sau phân quyền, phân cấp theo hướng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức, quản lý, giám sát khu vực thử nghiệm; Sở Khoa học và Công nghệ là đầu mối quản lý, theo dõi, giám sát hoạt động trong khu vực; các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan có liên quan phối hợp quản lý nhà nước, xử lý các vấn đề phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, dự thảo Nghị định vừa kế thừa các quy định điện tử hóa thủ tục hành chính của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, vừa bổ sung cơ chế khu vực thử nghiệm công nghệ số có kiểm soát để tạo môi trường thử nghiệm thực tế cho sản phẩm, dịch vụ mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và giải quyết các bài toán phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời:

- Quy định cho phép gửi, nhận, xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính bằng phương thức điện tử, thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia; các hồ sơ được số hóa trên môi trường điện tử.

- Quy định việc nộp báo cáo, cung cấp thông tin được thực hiện qua phương thức điện tử hoặc văn bản tới cơ quan có thẩm quyền cấp phép thử nghiệm đồng thời gửi tới Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Dự thảo Nghị định không có quy định nào có nội dung ảnh hưởng hoặc liên quan trực tiếp đến vấn đề bình đẳng giới. Các thủ tục hành chính quy định trong dự thảo áp dụng chung cho các tổ chức, cá nhân không phân biệt giới tính. Do đó, không đặt ra yêu cầu đặc biệt về nội dung bình đẳng giới hoặc các biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới khi thực hiện các thủ tục hành chính theo dự thảo Nghị định.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Nghị định không quy định nội dung liên quan trực tiếp đến việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đồng bào dân tộc thiểu số, cũng như không có nội dung đặc thù nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các quy định về thủ tục hành chính tại dự thảo áp dụng chung cho tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện trên toàn quốc, không phân biệt vùng miền, dân tộc. Vì vậy, dự thảo Nghị định không ảnh hưởng hoặc yêu cầu đánh giá riêng biệt về việc thực hiện chính sách dân tộc.

Trên đây là nội dung Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 353/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số./.